TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2022
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan

Ông Nguyễn Ngọc Tuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Minh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 252/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H - Sinh năm: 1972 "có mặt"

Trú tại: Phố T, phường A, TP T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc N - Sinh năm 1972 "vắng mặt"

Nơi cư trú cuối cùng: Phố T, phường A, TP T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Quốc N kết hôn với nhau vào năm 1992, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã Đ (nay là phường A), thành phố T nhưng do thời gian đã lâu nên chị đã làm mất giấy đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn nên vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cải nhau. Đến năm 2018 thì anh N đã bỏ đi khỏi địa phương từ đó cho đến nay không về và không có liên lạc gì với gia đình. Chị và gia đình đã áp dụng các biện pháp tìm kiếm anh N nhưng không có kết quả và đã được Tòa án thành phố Thanh

Hóa tuyên bố anh N mất tích theo Quyết định số 05/2022/QĐ-ST ngày 09/3/2022. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quốc N.

Về con: Anh chị có 02 con chung: cháu Nguyễn Lan A - SN 1993 và cháu Nguyễn Quốc T - sinh năm 2000. Hiện các cháu đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án,Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn anh Nguyễn Quốc N theo quy định của pháp luật nhưng anh N đều vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành của nguyên đơn kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định. Đối với bị đơn anh Nguyễn Quốc N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên anh đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh là đúng quy định.

- Về nội dung: Chị H xin được ly hôn với anh N nhưng chị không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc anh chị có đăng ký kết hôn. Mặt khác, UBND phường A, thành phố T đã xác nhận là qua kiểm tra sổ lưu đăng ký kết hôn không có lưu tại địa phương. Đại diện VKS đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình không công nhận chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Quốc N là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] ***Về tố tụng***: Đây là vụ án ly hôn, bị đơn cư trú tại thành phố T. Do đó, Tòa án thành phố Thanh Hóa thụ lý và giải quyết là đúng quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh N dể tham gia phiên tòa nhưng anh N đều vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt anh N là đúng quy định.

[2] ***Về nội dung*:**

- *Về hôn nhân*: Theo chị Phạm Thị H khai chị và anh Nguyễn Quốc N kết hôn với nhau vào năm 1992, trên cơ cở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND

xã Đ nay là phường A, thành phố T nhưng chị không xuất trình được giấy đăng ký kết hôn do đã làm mất.

Tại đơn xin xác nhận của chị gửi UBND phường A, thành phố T đề nghị phường xác nhận cho chị và anh N có đăng ký kết hôn. Ngày 08/3/2022 UBND phường A, thành phố T xác nhận: qua kiểm tra hồ sơ lưu đăng ký kết hôn tại phường không có lưu tại địa phương. Như vậy, không có chứng cứ nào để chứng minh cho việc anh chị có đăng ký kết hôn với nhau. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh N, xét thấy việc anh chị chung sống với nhau mà không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 9 luật Hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình xử không công nhận chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Quốc N là vợ chồng.

- *Về con*: Anh chị có 2 con chung: cháu Nguyễn Lan A - SN 1993 và cháu Nguyễn Quốc T - sinh năm 2000 hiện các cháu đã thành niên nên không giải quyết.

- *Về tài sản, công nợ*: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] ***Về án phí***: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án, chị H phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình. Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Quốc N là vợ chồng.

Về con: Anh chị có 02 con chung: cháu Nguyễn Lan A - SN 1993 và cháu Nguyễn Quốc T - sinh năm 2000. Hiện các cháu đã thành niên

Về tài sản, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0001840 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (chị H đã nộp đủ án phí).

Chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Quốc N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA- TPTH;
- Lưu hồ sơ .

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Thủy